

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá bazan làm VLXD thông thường tại xã Thanh Tân và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1455/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh về việc quy định danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá bazan làm VLXD thông thường tại xã Thanh Tân và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (*Khu vực Công ty TNHH Hợp Phát được cấp phép thăm dò, trữ lượng tính đến ngày 06/7/2016*);

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư khai thác mỏ đá bazan làm VLXD thông thường và làm phụ gia xi măng tại xã Thanh Tân và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh của Công ty TNHH Hợp Phát;

Theo Công văn số 2231/UBND-CN ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương cho Công ty TNHH Hợp Phát lập hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác đá bazan làm VLXD thông thường tại xã Thanh Tân và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1256/TTr-STNMT ngày 22 tháng 11 năm 2016 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá bazan làm VLXD thông thường tại xã Thanh Tân và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá bazan làm VLXD thông thường tại xã Thanh Tân và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Hợp Phát; địa chỉ: số 45, Phường Khắc Khoan, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu (theo Quyết định số 1455/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh):

- $G = 65.000$ đồng/ m^3 đối với đá (đá cát kết, đá bazan) làm VLXD thông thường;

- $G = 85.000$ đồng/ m^3 đối với đá nung vôi, đá vôi, đá bazan sản xuất xi măng;

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền:

$$Q = Q_1 + Q_2;$$

Trong đó:

- Q_1 là trữ lượng địa chất của đá bazan làm VLXD thông thường được phê duyệt tại Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh là: $428.769 m^3$;

- Q_2 là trữ lượng địa chất của đá bazan làm PGXM được phê duyệt tại Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh là: $269.187 m^3$;

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 0,9$ (vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ);

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $R = 4\%$ đối với than bùn và các loại VLXD thông thường còn lại;

- $R = 2\%$ đối với các khoáng sản nguyên liệu còn lại;

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$$T = T_1 + T_2;$$

Trong đó:

- T_1 là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng địa chất của đá bazan làm VLXD thông thường được phê duyệt tại Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể:

$$T_1 = (Q_1 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (428.769 m^3 \times 65.000 \text{ đồng}/m^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 4\%) = 902.987.514 \text{ đồng};$$

- T_2 là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng địa chất của đá bazan làm PGXM được phê duyệt tại Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể:

$$T_2 = (Q_2 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (269.187 \text{ m}^3 \times 85.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 2\%) = 370.670.499 \text{ đồng};$$

Như vậy $T = T_1 + T_2 = 902.987.514 \text{ đồng} + 370.670.499 \text{ đồng} = 1.273.658.013 \text{ đồng}$ (Một tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, không trăm mười ba đồng);

g) Số năm khai thác còn lại (làm tròn) là: $X = 16$ năm;

h) Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: 8 lần (hoàn thành việc thu vào nửa đầu thời hạn cấp phép);

i) Số tiền phải nộp hàng năm:

$$T_{\text{hn}} = 2T : X = ((2 \times 1.273.658.013 \text{ đồng}) : 16) = 159.207.252 \text{ đồng};$$

j) Số tiền nộp lần đầu: $T_{\text{ld}} = T_{\text{hn}} = 159.207.252 \text{ đồng}$ (Một trăm năm mươi chín triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng);

k) Số tiền nộp các lần tiếp theo (từ lần 2 ÷ 8) được tính theo công thức sau:

$$T_n = T_{\text{hn}} \times G_n; \text{ Trong đó:}$$

+ T_n là số tiền nộp lần thứ n (từ lần 2 ÷ 8);

+ T_{hn} là tiền nộp hàng năm;

+ G_n giá tính tiền cấp quyền khai thác (giá tính thuế tài nguyên) tại thời điểm nộp tiền lần thứ n ;

+ G giá tính tiền cấp quyền khai thác lần đầu;

l) Diện tích xã Thanh Tân là 69.903 m^2 (chiếm 58,3%); diện tích xã Thanh Kỳ là 50.097 m^2 (chiếm 41,7%);

m) Thời điểm nộp tiền:

- Lần đầu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Các lần tiếp theo nộp trước ngày 31/3 các năm tiếp theo.

2. Về việc hoàn trả kinh phí thăm dò:

Mỏ đá bazan làm VLXD thông thường tại xã Thanh Tân và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh đã được thăm dò trữ lượng, Công ty TNHH Hợp Phát đã trả tiền thăm dò với số tiền là 298.100.000 đồng. Vì vậy, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty TNHH Hợp Phát về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Công ty TNHH Hợp Phát có trách nhiệm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông hư hỏng do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra.

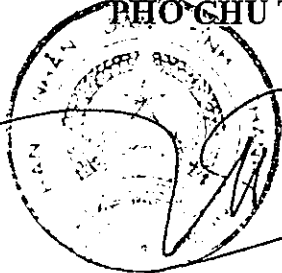
3. UBND huyện Như Thanh, UBND xã Thanh Tân và UBND xã Thanh Kỳ có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh; Chủ tịch UBND xã Thanh Tân, huyện Như Thanh; Chủ tịch UBND xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh; Giám đốc Công ty TNHH Hợp Phát; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /, *thcs*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, CNXDGT, KTTT (HYT34970).
QDKP 16-191

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *thcs*

Lê Thị Thìn